

TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU LIỄU HẠNH Ở LÀNG TÂY MỖ, XÃ LĨNH TOẠI, TỈNH THANH HÓA

NGUYỄN THỊ QUẾ*

Tóm tắt: Là một nhân vật có vị thế đặc biệt trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam, hành trạng, lai lịch trần tục của Thánh Mẫu Liễu Hạnh rất phức tạp, khó có thể tìm được một hành trạng gốc. Tại Thanh Hóa đang tồn tại hai quan điểm giáng trần lần thứ ba của công chúa Liễu Hạnh ở Phố Cát và Tây Mỗ. Bài viết khai thác những thông tin của công chúa Liễu Hạnh tại địa danh Tây Mỗ, huyện Hà Trung (trước đây) - địa danh khá mờ trong tâm thức dân gian cũng như các công trình nghiên cứu của học giới. Bằng phương pháp nghiên cứu điền dã, phỏng vấn, quan sát tham dự, người viết cung cấp cơ sở dữ liệu về hành trạng trần tục của Mẫu Liễu Hạnh tại Tây Mỗ và những đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh ở nơi đây.

Từ khóa: Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Tây Mỗ, lễ hội, hành trạng trần tục.

Abstract: As a figure of special standing in the Mother Goddess worship in Vietnam, the earthly deeds and origins of Mother Goddess Lieu Hanh are very complex, making it difficult to find a single original account. In Thanh Hoa, two perspectives currently exist regarding Princess Lieu Hanh's third reincarnation, at Pho Cat and Tay Mo. This article explores information about Princess Lieu Hanh at the Tay Mo locality, Ha Trung district (formerly) - a place quite obscure in both folk memory and academic research. Using ethnographic research methods, including interviews and participant observation, the author provides a database on Mother Lieu Hanh's earthly deeds in Tay Mo and the unique characteristics of the Mother Lieu Hanh worship there.

Keywords: Mother Goddess Lieu Hanh, Tay Mo, festival, mundane identity.

Địa danh Tây Mỗ với tư cách là nơi giáng trần lần thứ ba ở Thanh Hóa và thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh đã được nhắc đến trong nghiên cứu của Chu Xuân Giao *Về kết cấu kép ở trung tâm truyền thuyết hệ thần Liễu Hạnh qua khảo sát thần tích Đệ tam Tiên chúa được thờ phụng ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng* (2017); Nguyễn Thị Yên với *Tìm hiểu sự tích giáng sinh lần thứ ba của mẫu Liễu ở xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa* (2017)... Những công trình này đã gợi mở, lý giải nhiều vấn đề thú vị về nơi giáng sinh thứ ba của Mẫu Liễu Hạnh tại Tây Mỗ (Thanh Hóa). Tuy nhiên, đến nay, những nghiên cứu về Mẫu Liễu Hạnh gắn với địa danh Tây Mỗ vẫn chưa đi đến thống nhất giữa thư tịch với thư tịch, giữa thư tịch và truyền ngôn. Bài viết này tiếp tục khảo sát những quan niệm về nguồn gốc của Mẫu và tín ngưỡng thờ Mẫu ở trong vùng Tây Mỗ qua biến đổi của thời gian.

1. Khái quát về vùng đất Tây Mỗ

Làng Tây Mỗ (còn có tên là làng Tam Thẳng)

thuộc xã Hà Thái, huyện Hà Trung (trước đây), nay là xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa. Theo **Đồng Khánh dư địa chí**, làng Tây Mỗ trước đây thuộc xã Tây Mỗ, tổng Phi Lai, huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (1). Làng Tây Mỗ là “một làng cổ khá lớn, xưa kia chủ yếu ở vùng ven chân núi Cù Eo, trên đỉnh có khu đất bằng phẳng gọi là Lĩnh Đình. Lúc đầu dân cho dựng đình ở đó. Tương truyền đình đó rất thiêng, dân đi qua phải ngả mũ nón xuống, vì nhiều điều bất tiện, làng dời đình xuống giữa làng như ngày nay” (2). Tại chân núi Giếng Hang có ngôi đền Mẫu rất thiêng gọi là đền Bà chúa Ba (tức Hoàng Thị Quế Hoa), đền quay mặt về hướng Bắc, đối diện là dãy núi Giang Hạc. Dân làng ở đây cho hay, trong những năm chiến tranh tàn phá khốc liệt, bom đạn khắp nơi, nhưng không hề có trái bom nào rơi vào làng Tây Mỗ, nên các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng trong làng vẫn bình an, vô sự.

Theo **Địa chí Hà Trung**, tên làng Tây Mỗ/ Tây Mụ được đặt theo tên làng cũ trong quá trình di dân,

làng có “ông tổ gốc người Tây Mỗ, Hà Tây lập nên” (3). Trước đây, làng có tục lệ kiêng không gọi mẹ (phạm vào Mẫu Mẹ) mà gọi mẹ là chị, ngày nay gọi mẹ bình thường như các vùng khác.

Có thể thấy, Tây Mỗ là vùng đất có lịch sử lâu đời, dung hợp văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian (trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu).

2. Những biểu đạt trong tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh ở làng Tây Mỗ

Hành trạng trần tục của Mẫu Liễu Hạnh ở Tây Mỗ

Kết quả từ các công trình nghiên cứu thư tịch

Thánh Mẫu Liễu Hạnh là vị thần chủ của đạo Mẫu, được phụng thờ ở nhiều địa phương trong đó có Thanh Hóa. Khảo sát của các học giả Chu Xuân Giao và Nguyễn Thị Yên, về những tài liệu Hán Nôm đã tiết lộ sự xuất hiện hành trạng trần tục của Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở làng Tây Mỗ. Trong **Hoàng tộc thừa sao Đệ tam tiên thánh sinh nhật mục lục phá** (4): Bà có tên tục là Thúc, nguyên người họ Hoàng ở xã Tây Mỗ huyện Nga Sơn (sau đổi thành Tổng Sơn), sinh vào cuối năm Đinh Hợi niên hiệu Cảnh Hưng 28 (ghi chi tiết là sinh giờ Mão ngày 21-12 âm lịch, nếu tính sang dương lịch sẽ là ngày 9-2-1768). Có nhiều năng lực kỳ lạ trong nhận biết tự nhiên (mưa, nắng...). Năm 16 tuổi, lấy chồng tên Mai Nho Bàng ở cùng huyện, nhưng cuộc sống vợ chồng chỉ trên danh nghĩa. Ông họ Mai sau có xây nhà ở xã Bảo Ngũ, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam; nên ông bà tới đó sinh sống. Từ xã Bảo Ngũ, bà thường tới nơi thờ Đệ nhất tiên nữ ở Tiên Hương. Năm 33 tuổi, bà linh ứng được ngày mất của mình, báo cho tì nữ biết mình là Hoàng Quế Hoa tiên nữ Đệ tam ở thiên cung (nguyên văn là *Thiên cung đệ tam tiên muội Hoàng Quế Hoa*), đến ngày 9-3 thì sẽ về trời; tới ngày 9-3 bà hóa. Dân chúng trong vùng từ đó thờ bà với tên *Đệ tam tiên nữ* có tên hiệu là *Hoàng Quế Hoa công chúa*. Người ta kêu cầu gì với tiên nữ, đều được ứng nguyện. Tức là Mẫu sinh ra ở Tây Mỗ nhưng hóa ở Giáp Ba (Nam Định trước đây, nay là Ninh Bình).

Tác giả Nguyễn Thị Yên trong quá trình khảo sát các tài liệu thành văn: tư liệu Hán Nôm phủ Quảng Cung, **Cát thiên tam thể thực lục**, **Kinh thánh Mẫu Sòng Sơn**, đã đưa ra thông tin về giáng sinh của Mẫu ở Tây Mỗ như sau:

Thông tin	Tư liệu Hán Nôm phủ Quảng cung	Cát thiên tam thể thực lục	Kinh thánh mẫu Sòng Sơn
Năm xuất hiện tư liệu	1741 và 1781	1913	1952
Địa danh giáng sinh	Xã Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, hạt Thanh Hoa	- Sóc Sơn?- Xã Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Làng Tây Mụ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Thời gian sinh, hóa	10-10-1650 đến ngày 5-2-1668	Hơn một năm - không nói rõ năm giáng, năm hóa	1609-1610
Danh tính khi giáng sinh	Xưng tên là Hoàng Thị Trinh	Không nói tên họ	Không nói tên họ
Danh tính chồng	- Đào Lang - Mai Thanh Lâm	Phu quân họ Mai	Chàng Mai Sinh (giống chuyện của Đoàn Thị Điểm)
Danh tính con	- Tên Cỗn - Thanh Cỗn	Tên Cỗn	Mai Cỗn
Danh tính cha mẹ	Không có	Không có	Không có

Nguồn: Nguyễn Thị Yên

Trong **Thanh Hóa chư thần lục** có chép: “Thần vốn người trong trang, giáng sinh vào khoảng thời Lê Cảnh Hưng (1740-1786), năm 16 tuổi thì đến thôn Bảo Tá, tỉnh Nam Định trước đây, nay là Ninh Bình, gửi mình vào chốn Thiên môn, ngày đêm nghiêm cẩn tu giới. Sau lại đến hầu ở miếu Đệ nhất Tiên thánh (Liễu Hạnh). Đến năm 33 tuổi thì mất, ngày đưa tang gió nổi, bụi cuốn, mây đưa, có một đạo mây hồng che lấp cả huyết, hình dạng như chim yến bay lượn. Nhân dân biết là dấu vết của bậc tiên nhân, bèn chép lại thành sự tích” (5).

Như vậy, ở tài liệu Hán Nôm đang tồn tại các thần hiệu: Đệ tam Hoàng Thị Quế Hoa công chúa, Hoàng

Thị Quế Hoa công chúa, Mẫu Liễu Hạnh. Đồng thời, kết quả của các công trình nghiên cứu từ thư tịch đã cho thấy hành trạng trần tục của Mẫu giống nhau ở chỗ: Mẫu mượn cửa họ Hoàng để giáng sinh, lập gia đình với người họ Mai, và hóa khi còn trẻ; nhưng điểm khác nhau/ chưa thống nhất là: Tục danh, có con hay không có con. Các công trình này cung cấp hành trạng của Thánh Mẫu Liễu Hạnh với sự phân tích, lý giải rất xác thực, thú vị. Đây là những tài liệu quý, góp phần làm phong phú và cũng phức tạp về hành trạng trần tục của Mẫu Liễu Hạnh, đặc biệt là ở đất Thanh Hóa với địa danh cụ thể: Tây Mỗ. Các công trình trên cũng đặt ra vấn đề cần luận giải: các thần hiệu: Đệ tam Hoàng Thị Quế Hoa công chúa, Hoàng Thị Quế Hoa công chúa chỉ lần giáng sinh thứ ba của Mẫu Liễu Hạnh tại Tây Mỗ hay đó là một trong hai thị nữ giáng trần theo Mẫu Liễu?

Kết quả từ khảo sát truyền ngôn

Trong đợt khảo sát, điền dã ở làng Tây Mỗ năm 2024, chúng tôi gặp gỡ thủ từ Bùi Văn Ba (trông coi phủ đã gần 20 năm nay), bà Hoàng Thị Sáng (Chi hội trưởng Phụ nữ làng Tây Mỗ), bà Nguyễn Thị Nhung (cán bộ văn hóa xã) cùng khá nhiều người dân trong làng Tây Mỗ thì thông tin về Mẫu như sau: Mẫu mượn cửa họ Hoàng giáng sinh (nhưng không nhớ rõ tục danh là gì); Mẫu cũng đi chăn trâu, cắt cỏ, đi làm như những người bình thường khác nhưng có dị tài biết trước nắng, mưa và Mẫu đứng chỗ nào thì chỗ đó có bóng râm mát; Mẫu lấy chồng nhưng cuộc sống gia đình không hạnh phúc (Mẫu có vết sẹo trên má do bị chồng đánh, sau này dân làng tô tượng thì bức tượng cũng có vết sẹo đó trên má, đồ mây cũng không đây); Mẫu mách bảo với dân làng là “hóa ở bãi Ông Chôn (địa danh ở làng Tây Mỗ - tương truyền là vùng đất ruộng tư của địa chủ giàu có) nhưng khi xuống thì ở dưới có nhiều cá chép đăm vào nên Mẫu ra Phủ Dày, Nam Định” (6). Vì thế, Mẫu được dân làng thờ phụng ở Phủ Mỗ và nhà thờ họ Hoàng cách Phủ Mỗ không xa (chừng 1km) lập ban thờ Mẫu.

Kết quả điền dã cũng cho thấy: Làng Tây Mỗ có nhiều chi họ Hoàng nhưng không cùng chi với họ Hoàng của Mẫu. Nhánh họ Hoàng ở Hà Châu lưu giữ bia đá hiện nay không phải là dòng họ Hoàng của Mẫu. Bia đá mà nhà họ Hoàng ở Hà Châu có cũng không phải mang từ nhà thờ tổ họ Hoàng của Mẫu mà do họ tìm được ở một nơi khác (không rõ địa danh) và hiện tại gia đình họ Hoàng ở Hà Châu không có mối quan hệ xã giao, tương tác nào với phủ Tây Mỗ.

Các tài liệu thư tịch về phủ Mỗ hiện không còn được lưu giữ ở địa phương, các tài liệu quốc ngữ hiện có đều là các tài liệu được phục hồi lại từ trong truyền ngôn của vùng. Dù làng Tây Mỗ không bị tàn phá bởi chiến tranh nhưng thuộc về vùng trũng nên bị ảnh hưởng nhiều của thiên tai. Phủ Tây Mỗ bị hạ giải hoàn toàn vào những năm 1959-1961 là do hệ quả của thời kỳ chống mê tín, dị đoan lúc bấy giờ. Theo truyền ngôn, trên đất Phủ Mỗ bây giờ chỉ còn lại di vật duy nhất là cây mít khoảng 500 năm tuổi; tương truyền cây mít này do Mẫu trồng khi là người phạm trần, quả của cây mít này rất ngon. Người dân cũng truyền lại thông tin: Sau khi phủ bị hạ giải thì bức tượng Mẫu tạc bằng gỗ mít, to cao tầm bằng đứa trẻ lên hai đã bị một số người thợ đã đưa vào lò nung vôi nhưng điều kỳ lạ là khi vôi chín, dỡ vôi thì bức tượng đó vẫn nguyên vẹn, không hề bị đốt cháy; số vôi nằm tiếp xúc với tượng đều bị sũng. Sau này người ta đốt một vài lần nữa vẫn thấy tượng không bị cháy nên thả ra hồ, tượng nổi trên mặt hồ sen trước phủ. Ngày nay, nhắc đến sự việc này, người dân ở Tây Mỗ vẫn không khỏi kinh ngạc và xác nhận những người đưa bức tượng vào lò vôi để đốt có cuộc sống không suôn sẻ (7).

Sau đổi mới, nhân dân mới lập miếu nhỏ để phụng thờ với sự góp sức chung tay của nhân dân địa phương và các tín chủ, con nhang của đạo Mẫu, đặc biệt là những người được ăn lộc Mẫu. Kiến trúc phủ có trụ biểu, bình phong, giếng ngọc, sân, 18 bậc đá, cung thờ công đồng, tam phủ, cung cảm thờ Tiên thiên Thánh Mẫu Liễu Hạnh (2 bên có 2 pho tượng nhỏ là nàng Quỳnh, nàng Quê). Trong phủ có treo bức ảnh truyền thần, theo lời thủ nhang Bùi Văn Ba là ảnh Mẫu hiển Thánh và một bức ảnh Mẫu hóa về trời. Hai bức ảnh này đều được truyền ở hiệu ảnh trên phố cổ Hà Nội. Phía bên phải là gian độc lập thờ đức Thánh Trần triều và Bác Hồ. Phía bên trái, cạnh cây mít cổ là ban thờ Phật. Như vậy, di tích phủ Tây Mỗ có cấu trúc và bài trí thần điện mang tính dung hợp tôn giáo và tín ngưỡng của dân tộc, giao thoa truyền thống với hiện đại.

Nhà thờ họ Hoàng hiện nay do người cháu là Hoàng Văn Nhân và vợ tên Ngoan coi sóc, hương hỏa. Trong đất hương hỏa, nhà thờ là ngôi nhà ngói ba gian, sân thượng, trong nhà bố trí gian chính thờ ban công đồng, Tam phủ và cao nhất là thờ ảnh tượng Mẫu, bên trái thờ tổ.

Qua khảo sát điền dã, chúng tôi đồng tình với nhận định với nhà nghiên cứu Chu Xuân Giao: “ở chính làng Tây Mỗ, gồm Phủ Tây Mỗ và từ đường

họ Hoàng, hiện không còn bất cứ di vật hay tư liệu mang tính nguyên gốc nào liên quan đến hành trạng của Đệ tam thánh Mẫu” (8).

Tuy vậy, những câu chuyện truyền ngôn của bà con trong làng đều thống nhất và họ mang một niềm tôn kính, tin tưởng rằng: Mẫu Liễu Hạnh giáng trần lần thứ 3 ở Tây Mỗ, phủ hộ cho nhân dân trong vùng, nên khi đi lễ Mẫu thì họ vẫn kêu cầu là Thánh Mẫu Liễu Hạnh; và từ đây, Mẫu vân du đến các địa danh khác để hành thiện.

Lễ hội thờ Mẫu Liễu Hạnh ở phủ Tây Mỗ

Phủ Tây Mỗ là di tích phụng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, hằng năm tổ chức lễ hội từ ngày 7 đến ngày 10 tháng Ba với nghi lễ rước bóng độc đáo được thực hiện ở cả Phủ Mỗ và nhà thờ họ Hoàng. Lễ hội còn được gọi là Lễ hội Bà chúa Ba.

Sáng ngày mùng 7, sau lễ tế, dân làng sẽ rước kiệu ông từ Phủ Tây Mỗ vào nhà thờ tổ họ Hoàng, làm lễ tế và xin rước bát hương trong nhà thờ đặt vào kiệu ông (kiệu ông do 8 thanh niên trai tráng khiêng); sau đó rước kiệu bà (kiệu bà trước đây do 8 nữ tú khiêng nhưng hiện nay là 8 người phụ nữ khiêng kiệu với điều kiện nhà sạch sẽ, kiêng kỵ tang sự) từ phủ vào nhà thờ đón kiệu ông và cùng rước vào đình Cầu (Tây Mỗ). Tại sân đình Cầu, hai làng Tây Mỗ và Minh Đài chuẩn bị đầy đủ các lễ vật chay: xôi, hoa, quả, bánh kẹo... đón kiệu. Tại đây, cả kiệu ông và kiệu bà đều quay 3 vòng (với ý nghĩa số 3 là số thiêng gắn với lần giáng sinh thứ 3 của Mẫu ở vùng đất này). Sau đó nghi lễ này, rước kiệu về phủ (vào trưa ngày mùng 7 và nghỉ tại phủ đến ngày mùng 9). Ba giờ chiều mùng 9 lại rước kiệu ông vào nhà thờ tổ họ Hoàng để trao bát hương vào nhà thờ tổ (lần này không rước kiệu bà) sau đó quay về phủ. Ngày mùng 10, tắm kiệu để cát và đóng cửa, năm nào mùng 10 tháng Ba cũng mưa. Dịp lễ hội, nhiều du khách thập phương đã về tham dự và dâng lễ Mẫu, cầu sức khỏe, tài lộc. Khách thập phương đến với lễ hội với những điều cầu mong và ước vọng không giống nhau, cũng không phải trải qua những lễ nghi, gò bó hay những khuôn mẫu khắt khe, mà họ tự tâm mình có thể trực tiếp thông qua những nghi lễ khói hương đơn giản mà cầu khẩn của mình. Có khi, họ thông qua các ông đồng, bà đồng để gắn kết với thế giới thánh thần, cầu xin, ước nguyện của mình... Từ đó gắn kết những số phận với nhau, tạo nên sự cố kết, thông cảm, sẻ chia trong cộng đồng. Sau nghi thức rước kiệu là lễ tế do đội nữ tế của làng thực hiện; nghi lễ hầu đồng... Tiếp theo là phần hội và các trò chơi dân gian tạo nên không khí vui vẻ, sự đoàn kết cộng đồng trong lễ hội.

So với lễ hội ở một số cơ sở thờ tự Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Thanh Hóa: Đền Sòng, đền Phó Cát, phủ Vàng, đền Rồng - đền Nước..., lễ hội phủ Tây Mỗ độc đáo hơn ở nghi thức rước kiệu: Rước kiệu vào nhà thờ tổ họ Hoàng (nhà thờ tổ tiên Mẫu giáng sinh), rước ra đình Cầu trình Thành hoàng làng sau đó rước về phủ và diễn ra các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh, giao lưu văn hóa... Kiệu được để lại trong phủ đến ba ngày sau lại rước kiệu ông vào nhà thờ họ Hoàng để trao lại bát hương lên bàn thờ rồi về phủ và tắm kiệu, đến đây sẽ kết thúc nghi thức rước kiệu và lễ hội. Nghi thức rước kiệu ở phủ Tây Mỗ diễn ra với thời gian dài hơn, cầu kỳ, phức tạp hơn một số đền phủ khác trên địa bàn huyện Hà Trung nói riêng và Thanh Hóa nói chung.

3. Mối quan hệ giữa nhà thờ tổ họ Hoàng và phủ Tây Mỗ

Quan niệm Mẫu Liễu Hạnh giáng trần tại nhà họ Hoàng ở Tây Mỗ được người dân trong vùng lưu truyền. Hiện, sự qua lại, kết nối giữa nhà thờ họ Hoàng và phủ Tây Mỗ vẫn duy trì. Vào dịp Tết Nguyên đán hoặc trước ngày diễn ra lễ hội, hậu duệ họ Hoàng có ra phủ Mỗ thắp hương, dâng lễ tưởng nhớ Mẫu, tham gia đoàn rước kiệu từ phủ Mỗ vào nhà thờ, ra đình Cầu, về phủ Mỗ. Theo nhân dân trong vùng, ngày sóc - vọng hoặc khi gia đình có việc, họ thường đến phủ để kêu cầu và theo họ thì sự kêu cầu, khẩn nguyện ấy đều linh ứng. Những gia đình có con nhỏ khó nuôi, họ cũng đến phủ bán khoán để đứa trẻ được ngoan khỏe, bình an...; những trai tráng tham gia khiêng kiệu cảm thấy có được sự gia lộc của Mẫu.

Mặc dù mối quan hệ này không mật thiết như ở phủ Dày (có lễ Mẫu giáng sinh ở Tây Mỗ, nhưng hóa ở Nam Định (nay là Ninh Bình) nên ở đây không có mộ phần của Mẫu như ở Phủ Dày); song cũng là nét riêng trong Tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu ở Thanh Hóa.

Mẫu Liễu Hạnh được thờ phụng ở Tây Mỗ song song hai hành trạng độc lập: ở nhà thờ họ Hoàng (thờ con người trần thế), ở phủ Tây Mỗ (thờ Thánh Mẫu). Hai hành trạng trần thế và Thánh thần có quan hệ qua lại với nhau: tiền kiếp và hậu thời. Tại nhà thờ họ Hoàng: ban thờ Mẫu với hành trạng trần tục: “Tính từ dưới lên gồm các lớp sau: 1. Hạ ban thờ ngũ hồ và bạch xà; 2. Công đồng và bản đền (hai bát hương); 3. Thánh mẫu và hai vị hầu cận (ba bát hương); 4. Tổ họ Hoàng (một bát hương). Ở lớp thứ 3, là lớp thờ Đệ tam thánh Mẫu và hai vị hầu cận, có một bức ảnh màu một pho tượng nữ được ép plastic rồi lồng trong khung kính, trên bức ảnh

có choàng một tấm lụa đỏ. Đó là ảnh mới được làm gần đây” (9).

Như vậy, cách bài trí thờ tự ở từ đường họ Hoàng không đơn thuần là từ đường thờ con người hoàn toàn trần tục, chết táng truyền thống mà mang những biểu hiện của điện thờ gia thờ Mẫu Tam phủ, nhân vật được thờ khi sống có những điều linh dị và hóa một cách nhẹ nhàng, với mộ phần ở nơi khác.

Hiện nay, ban thờ trong từ đường họ Hoàng được bài trí có thêm các tượng, bức ảnh màu một pho tượng nữ được ép plastic rồi lồng trong khung kính, trên bức ảnh có choàng một tấm lụa đỏ (linh vị của Mẫu) đặt ở vị trí cao nhất, trong cùng. So với hơn chục năm về trước, bài trí có ban thờ trong từ đường họ Hoàng đã có sự thay đổi và mang dáng dấp, màu sắc của ban thờ trong các đền phủ thờ Mẫu Tam phủ. Nghi thức thờ cúng Mẫu ở đường họ Hoàng cũng thực hiện giống như những gia đình khác, dâng lễ vào ngày sóc vọng, các ngày lễ trọng, dịp Tết với tâm thành kính. Vào dịp tiệc Mẫu, lễ hội, dâng lễ to hơn, đầy đủ hơn và thực hiện nghi thức rước bát hương lên kiệu ông để đưa về phủ Mẫu.

Như vậy, trong tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay tại Tây Mỗ, vẫn giữ mối liên hệ giữa nhà thờ họ Hoàng và phủ Tây Mỗ - giữa hành trạng trần tục - Thánh Mẫu. Người dân khẳng định và tự hào về sự giáng trần lần thứ ba của Mẫu tại đây, nhưng không có sự tranh giành với Phố Cát hay Xa Liễu (Nga Sơn) mà nhuần nhị, hiền hòa. Họ coi Mẫu là vị thánh quyền năng ban phúc cho tất cả mọi người chứ không riêng gì nhân dân trên vùng đất Tây Mỗ.

Kết luận

Lần giáng sinh thứ ba tại Tây Mỗ của Mẫu khá lặng lẽ (kể cả vị thế lẫn biên độ lan tỏa), người dân ít biết đến địa danh này với sự giáng tích của Mẫu trên cả tư liệu Hán Nôm và truyền ngôn. Làng Tây Mỗ ở xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa - quê hương của chúa Nguyễn nhưng hiện chưa có một thư tịch, tài liệu nào nhắc đến sắc phong của triều đình nhà Nguyễn cho vùng đất Tây Mỗ thờ Mẫu Liễu, trong khi Phố Cát, Tây Trác, Phủ Vàng... trên địa bàn Thanh Hóa lại lưu giữ được các sắc phong ban cho Mẫu Liễu được thờ phụng tại các vùng đất này. Đệ tam Tiên thánh Hoàng Thị Quế Hoa công chúa là thần hiệu của Thánh Mẫu Liễu Hạnh giáng trần lần thứ ba hoặc là thị nữ giáng trần theo Mẫu Liễu hoặc sự neo bám vị thần địa phương/ bà Cô tổ của dòng họ Hoàng vào uy danh của Thánh Mẫu Liễu Hạnh... ở Tây Mỗ đều có ý nghĩa riêng và góp phần làm cho hành trạng của Mẫu Liễu thêm phần đa dạng, phức tạp. Vấn đề này chưa

khép lại và rất cần những nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo của các nhà khoa học.

Lễ hội phụng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh tại phủ Tây Mỗ diễn ra rất sôi nổi, khỏe khoắn, vui vẻ với những điều tốt đẹp của lễ hội truyền thống; bên cạnh đó, nghi thức rước kiệu mang tính độc đáo, mang nét đặc trưng cho tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu trong vùng. Lễ hội này góp thêm vào kho tàng lễ hội xứ Thanh nói chung và lễ hội thờ Mẫu Liễu Hạnh nói riêng nét đẹp văn hóa gắn kết giữa hành trạng trần tục với hành trạng Tiên Thánh tôn vinh vị Thánh Mẫu toàn năng, quyền lực nhất thần điện thờ Mẫu - Mẫu nghi Thiên hạ ■

N.T.Q

1. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb Thế giới, 2003, tr.1086.

2, 3. Hoàng Tuấn Phổ, Phạm Tấn, Phạm Tuấn, *Địa chí Hà Trung*, Nxb Khoa học xã hội, 2005, tr.81, tr.441.

4, 8, 9. Chu Xuân Giao, *Về kết cấu kép ở trung tâm truyền thuyết hệ thần Liễu Hạnh qua khảo sát thần tích Đệ tam Tiên chúa được thờ phụng ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 1 (135), 2017, tr. 21,19, 19.

5. *Thanh Hóa chư thần lục*, (bản đánh máy), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, tr.454.

6, 7. Tài liệu điền dã, phỏng vấn thủ nhang Bùi Văn Ba, bà Hoàng Thị Sáu ở làng Tây Mỗ, tháng 6-2024.

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Thanh Hóa, *Địa chí Thanh Hóa*, tập 1, 2004, Nxb Khoa học xã hội.

2. Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Thanh Hóa, *Địa chí Thanh Hóa*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2004.

3. Chu Xuân Giao, *Về kết cấu kép ở trung tâm truyền thuyết hệ thần Liễu Hạnh qua khảo sát thần tích Đệ tam Tiên chúa được thờ phụng ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 1 (135), 2017.

4. Nguyễn Thị Yên (2017), *Tìm hiểu sự tích giáng sinh lần thứ ba của mẫu Liễu ở xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 3, 2017, tr.64-71.

5. Nguyễn Thị Yên, *Không gian văn hóa xã hội với sự hình thành tục thờ Mẫu ở Phủ Nấp, Phủ Quảng Cung trong hệ thống Đạo mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2010, tr.51-78.

6. *Tư liệu Hán Nôm khu di tích Phủ Giầy xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*, Bảo tàng Nam Hà, 1996, tr.44.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 10-6-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 20-6-2025; Ngày duyệt bài: 1-7-2025.

MỐI QUAN HỆ GIỮA LÀNG KIM HOÀN CHÂU KHÊ VÀ PHỐ NGHỀ HÀNG BẠC - TỪ QUÁ KHỨ ĐẾN HIỆN TẠI

ĐỖ ĐÔNG HUNG*

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa làng nghề kim hoàn Châu Khê, Hải Dương (nay là Hải Phòng) và phố Hàng Bạc (Hà Nội) là một minh chứng điển hình cho sự gắn kết giữa làng nghề truyền thống và đô thị thương mại trong lịch sử Việt Nam. Từ TK XV đến nay, mối quan hệ này đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, phản ánh sự tương tác giữa kỹ thuật thủ công truyền thống và nhu cầu thị trường đô thị. Bài viết chỉ ra sự kết nối bền chặt giữa Châu Khê và Hàng Bạc từ truyền thống đến hiện tại không chỉ trên phương diện nghề nghiệp, mà còn qua một số khía cạnh văn hóa.

Từ khóa: mối quan hệ, làng nghề kim hoàn, Châu Khê, phố nghề, Hàng Bạc.

Abstract: The relationship between the traditional jewelry-making village of Chau Khe, Hai Duong ((Hai Phong now) and Hang Bac Street (Ha Noi) is a prime example of the close ties between traditional craft villages and commercial urban centers in Vietnamese history. Since the 15th century, this relationship has undergone various stages of development, reflecting the interaction between traditional craftsmanship and the demands of the urban market. This article will highlight the enduring connection between Chau Khe and Hang Bac, not only in terms of profession but also through several cultural aspects.

Keywords: relationship, traditional jewelry-making village, Chau Khe, craft street, Hang Bac street.

1. Vài nét về làng kim hoàn Châu Khê và phố Hàng Bạc

Nằm cách thành phố Hải Dương (nay là Hải Phòng) 20km về phía Tây Nam, Châu Khê là một trong 3 làng nghề truyền thống chế tác vàng bạc ở miền Bắc, nổi danh khắp đất nước, đó là: Định Công (Hà Nội), Đồng Tâm (Thái Bình nay là Hưng Yên) và Châu Khê (Hải Dương nay là Hải Phòng). Vào TK XV, thời Vua Lê Thánh Tông (1460-1497), quan Thượng thư Bộ lại Lưu Xuân Tín được vua cho phép lập một xưởng đúc bạc nén nên đã đưa người làng Châu Khê về kinh đô Thăng Long để làm thợ đúc tiền. Trải qua thời gian, xưởng đúc tiền đã kiêm luôn cả nghề chế tác vàng bạc và chẳng mấy chốc trở thành địa chỉ chế tác kim hoàn nổi tiếng đất kinh kỳ. Từ đó, dân làng Châu Khê suy tôn quan Thượng thư Lưu Xuân Tín là tổ nghề kim hoàn Châu Khê. Ông đã tập hợp những người thợ của làng lên kinh đô, lấy gia đình ở làng lên mua

đất ở phường Đông Các, Đông Thọ, tổng Hữu Trác, huyện Thọ Xương (nay là số nhà 58 phố Hàng Bạc, Hà Nội) lập xưởng đúc vàng, bạc nén phục vụ cho đúc tiền của cả nước và đồ dùng trong cung vua. Từ đó, nghề vàng bạc Châu Khê và phố Hàng Bạc cùng hình thành và phát triển. Trong sách *Làng nghề vàng bạc truyền thống Châu Khê* có ghi: “Cuộc sống xoay vần, từ đây họ mở nghề kim hoàn mỹ nghệ rồi phát triển khắp cả kinh thành lập nên phố Hàng Bạc và cả ở quê Châu Khê Hải Dương, bởi sự liên hệ và mưu sinh của gia đình dòng họ, làng xóm mật thiết, cho đến nay đã có lịch sử 555 năm, trở thành nổi tiếng khắp vùng và cả trong ngoài nước” (1).

2. Mối quan hệ giữa làng kim hoàn Châu Khê và phố Hàng Bạc trong quá khứ

Mối quan hệ từ nguồn gốc của nghề kim hoàn

Nghề kim hoàn ở Châu Khê có nguồn gốc ra đời không giống các nghề thủ công khác, không phải do

một người học được nghề và truyền lại, mà do người Châu Khê được hưởng đặc ân của triều đình. Làng nghề kim hoàn Châu Khê xuất hiện vào TK XV dưới triều Vua Lê Thánh Tông. Để đáp ứng nhu cầu của việc trao đổi hàng hóa và phục vụ cuộc sống xa hoa của vua, quý tộc, quan lại... tiền tệ bằng kim loại và đồ trang



Sản phẩm của nghệ nhân Nguyễn Chí Thành
Ảnh: Tác giả cung cấp

sức bằng vàng bạc ra đời ngày càng nhiều. Sau khi Lưu Xuân Tín được trao trọng trách phụ trách đúc bạc nén cho triều đình, ông đã về quê đưa những người đồng hương Châu Khê lên Thăng Long làm nghề đúc bạc nén và giúp họ lập xưởng đúc ở phường Đông Các. Nghề kim hoàn từ khi mới ra đời đã không phát triển tại làng Châu Khê mà chủ yếu phát triển ở phường Đông Các, sau đó mới dần dần được người thợ đưa về nguyên quán của mình đó là làng Châu Khê.

Trong thời phong kiến, người Châu Khê vẫn có nhà cửa ruộng vườn để giữ lấy gốc và làm nơi đi lại. Đàn ông đều lên phường Đông Các làm thợ kim hoàn, chỉ có phụ nữ ở lại làm nông nghiệp. Những ngày rỗi hoặc vào thời vụ cấy gặt, những người thợ lại tranh thủ về giúp gia đình, vợ con. Khi lên phường Đông Các, những người giàu thường mua nhà mở cửa hiệu, người có chút ít tài sản thì thuê nhà mở cửa hiệu, người nghèo thì đi làm thuê cho chủ. Người Châu Khê vì thế cư trú ở phường Đông Các rất đông và nơi đây được coi là quê hương thứ hai của họ.

Phố phường Thăng Long - Hà Nội từ TK XVIII, trừ một số ít ỏi bán đồ ăn uống như phố Hàng Bún, Hàng Cháo, Hàng Mắm, Hàng Dầu thì hầu hết bán sản phẩm thủ công phục vụ vua quan và đông đảo dân chúng trong cuộc sống hằng ngày. Có phố nghề vừa sản xuất vừa bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ mà Hàng Bạc là ví dụ tiêu biểu. Khi tổng kết về nguồn gốc của các nghề thủ công của Thăng Long - Hà Nội, cố GS Trần Quốc Vượng đưa ra ba nguồn gốc như sau: Một là những nghề có sẵn trong các làng mạc, thôn xóm từ trước khi Thăng

Long trở thành kinh đô của cả nước, như: nghề dệt lĩnh Trích Sài, làng Dầu (Vạn Long), làng Nghè (Trung Nha) thuộc vùng Bưởi, ven sông Tô Lịch. Hai là, do những biến cố lịch sử, thợ thủ công ở nơi khác kéo về ngoại đô, tìm chỗ thuận tiện lập nên làng xóm để hành nghề, như làng gốm Bát Tràng do dân Bồ

Bát (Ninh Bình) và Vĩnh Ninh (Thanh Hóa) chuyển cư ra. Ba là, thợ thủ công ở các nơi kéo về nội đô làm ăn, họ mang theo những nghề đặc sắc của quê hương mình, vừa sản xuất vừa bán sản phẩm của một hay vài ba làng nhất định (2). Chính sự đa dạng trong nguồn gốc hình thành các nghề thủ công đã cho thấy sự phức tạp về nguồn gốc của phố nghề Thăng Long - Kẻ Chợ.

Trong quá khứ, đô thị có một sức hút lớn đối với phần lớn cư dân tứ xứ, nhất là khi thành thị đang vào guồng quay của kinh tế hàng hóa. Nền kinh tế hàng hóa đã cuốn hút vào nó lớp dân cư từ nhiều nguồn, tạo ra tầng lớp thị dân và lối sống thị dân (3). Phố nghề Hàng Bạc - một trong số những phố nghề đại diện cho thành thị Thăng Long TK XIX cũng chính là kết quả của quá trình chuyển dịch nghề và người từ nông thôn ra thành thị.

Điểm chung của hầu hết các phố nghề Thăng Long - Hà Nội là ở quan hệ buôn bán với cùng một lúc nhiều làng mà phố Hàng Bạc là một ví dụ tiêu biểu bởi ở đây quy tụ cả người và sản phẩm từ Châu Khê, Đồng Xâm và Định Công. Đây là nơi hành nghề, chủ yếu là trao đổi, buôn bán đồ kim hoàn của người dân chạ bạc làng Châu Khê với khách hàng trong nước. Dù là quy tụ thợ ba vùng với đặc thù nghề nghiệp, nhưng những người làm kim hoàn ở Hàng Bạc trước đây chủ yếu là người Châu Khê. Dần dần cùng với nghề đúc bạc, người thợ Châu Khê làm cả nghề thợ trang trí vàng bạc. Đến đầu TK XIX, dưới triều Nguyễn, xưởng đúc bạc nén chuyển vào Huế. Phần lớn thợ Châu Khê vẫn ở tại Thăng Long làm nghề kim hoàn, họ lập thành phường thợ tại phố Hàng Bạc ngày nay.

Mối quan hệ qua lại thường xuyên giữa thành thị và nông thôn đã có ảnh hưởng đến việc buôn bán. Nếu ở các làng quê có nghề thủ công cổ truyền thì sẽ kéo theo việc phát triển nghề buôn bán. Thăng Long - Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, là nơi hội tụ, giao lưu rộng mở. Vì vậy, tại các phố nghề, thị trường tiêu thụ sản phẩm sẽ có cơ hội phát triển tốt hơn, nhiều khi sản phẩm được sản xuất tại làng quê nhưng lại mang lên phố nghề để bán. Phố nghề là nơi có các cửa hàng bày bán sản phẩm, sẽ là cầu nối giữa người sản xuất ở các làng nghề với người tiêu dùng sản phẩm ở các địa phương khác nhau. Sản phẩm làng nghề tiêu thụ được nhiều sẽ thúc đẩy cho làng nghề, phố nghề phát triển (4).

Quan hệ giữa các phố nghề và làng nghề trước đây có thể phân chia làm hai loại quan hệ: quan hệ về mặt “nghề” hay quan hệ về hàng hóa và quan hệ về thị trường yếu tố sản xuất. Mối quan hệ về hàng hóa có thể được thể hiện qua các chu trình nghề như: mua bán nguyên liệu, mua bán sản phẩm hoàn chỉnh và mua bán sản phẩm chưa hoàn chỉnh. Mối quan hệ này tùy thuộc vào từng loại hàng, yêu cầu của sản phẩm. Khâu nguyên liệu có ý nghĩa sống còn đối với phố nghề. Bởi lẽ, người nghề nhân chỉ có tài khéo mà không sở hữu nguồn vật liệu sản xuất thì sớm muộn, nghề cũng khó trụ nổi ở kinh thành.

Có thể phân loại phố nghề Thăng Long theo hai dạng: phố vừa làm nghề vừa kinh doanh và phố chuyên kinh doanh. Các phố nghề truyền thống dần biến mất hoặc được chuyển thành phố thương mại hay phố chuyên về kinh doanh. Trong khu phố cổ chỉ còn bốn phố khả năng phát triển mạnh nghề truyền thống đó là: Hàng Bạc, Lãn Ông, Hàng Mã, Hàng Đồng. Hàng Bạc có nghề đúc bạc nén, nghề kim hoàn và nghề đổi tiền. Các phố nghề vừa làm nghề, vừa kinh doanh, tức là không tách rời hoạt động kinh tế, trong đó có Hàng Bạc, được coi là đại diện xuất sắc nhất của mỗi loại nghề đó, góp mặt ở Thăng Long như một trung tâm triển lãm. Bản thân mối quan hệ hai chiều làng - phố này đã làm cho kinh tế Thăng Long nhộn nhịp hơn nhiều, hàng hóa mua đi bán lại, vận chuyển, phân phối... (5). Nếu các mặt hàng khác thường được sản xuất ở làng quê, đưa lên Thăng Long để bày bán là chủ yếu, thì với mặt hàng xa xỉ như kim hoàn - sản phẩm đòi hỏi trình độ kỹ thuật chế tác cao - sẽ có ngay một “xưởng” gia công chế tạo ngay tại chỗ. Và Hàng Bạc chính là nơi có các cửa hàng và xưởng gia công như

vậy. Đây chính là những minh chứng cho mối quan hệ giữa Châu Khê và Hàng Bạc từ góc độ nguồn gốc của làng nghề - phố nghề.

Mối quan hệ về tín ngưỡng thờ tổ nghề

Hàng năm, vào ngày 19 tháng Giêng, dân làng Châu Khê lại tổ chức ngày giỗ ông Lư Xuân Tín tổ nghề kim hoàn, cũng là một trong ba vị Thành hoàng được thờ ở đình làng. Ngày hội làng, người ta kính cẩn dâng lên bàn thờ tổ những sản phẩm làm bằng vàng, bạc để tỏ lòng biết ơn công đức của tổ nghề. Phố Hàng Bạc cũng lưu giữ truyền thuyết về Lại bộ thượng thư Lư Xuân Tín - người được vua cho phép mở một xưởng đúc tiền ở kinh thành.

Đến cuối TK XIX, khi dân làng Châu Khê lên lập nghiệp ngày càng đông, người Châu Khê có tới nửa số dân làng lên ở đây, nên hai ngôi đình họ lập để thờ tổ nghề là Trương Đình (Trương Thị, số nhà 50) và Kim Ngân đình (số nhà 42) ở phố Hàng Bạc không còn đủ chỗ cho dân làng hội họp và tế lễ, họ đã mua Nội Miếu ở thôn Hải Tượng (nay là số 30 phố Hàng Giày) để làm đền thờ vọng về quê, gọi là Châu Khê vọng từ. Thợ kim hoàn Châu Khê ở Hàng Bạc còn tế lễ Thành hoàng và Tổ nghề vào dịp Xuân tế (1-12 tháng 2 Âm lịch) và Thu tế (1-12 tháng 8 Âm lịch). Đồng thời, hàng năm cứ đến ngày 19 tháng Giêng, những người dân Châu Khê phố Hàng Bạc lại trở về làng Châu Khê để dự hội quê mình.

3. Mối quan hệ giữa Châu Khê và Hàng Bạc hiện nay

Mối quan hệ trong chu trình sản xuất, quảng bá và phân phối sản phẩm kim hoàn

Về nguyên liệu, cả trước đây và hiện nay, nguyên liệu của nghề kim hoàn chủ yếu do Hàng Bạc cung cấp. Xưởng sản xuất của người Châu Khê sẽ phụ trách tìm mẫu mã và toàn bộ quy trình sản xuất ra sản phẩm hoàn thiện.

Về mẫu mã sản phẩm, các đại lý bán buôn trên phố Hàng Bạc không can thiệp. Mẫu mã là do các xưởng sản xuất của Châu Khê phải tự tìm cho mình hướng đi riêng. Các xưởng phải dựa vào năng lực và sự nhạy bén của mình để chế tác, tạo ra các sản phẩm đặc trưng riêng của mình. Xưởng nào làm tốt mẫu mã, đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ và chất lượng sản phẩm sẽ được các đại lý lớn nhập hàng để phân phối lại cho các cửa hàng nhỏ. Đại lý ở Hàng Bạc thường chỉ bán buôn cho các cửa hàng kinh doanh hay người mua với số lượng lớn chứ không bán lẻ cho người tiêu dùng bình thường.

Năm 1993, Châu Khê có 500 thợ làm ở làng và 200 thợ làm ở phố Hàng Bạc. Trung bình mỗi tháng Châu Khê sản xuất gia công cho thị trường Hà Nội khoảng 150kg bạc, sản phẩm với 47 mẫu mã thuộc 20 loại đồ trang sức khác nhau và gần 2kg vàng với đủ loại đồ trang sức với các mẫu mã như: nhẫn, dây chuyền, vòng, lắc, khuyên tai... Các mặt hàng của Châu Khê thời kỳ này được sản xuất đủ loại kích cỡ to nhỏ khác nhau, tùy theo khả năng của người tiêu dùng. Thời gian này, khi vào nhà nào ở Châu Khê cũng thấy gian nhà trong hoặc dưới nhà phụ có năm ba người đang cặm cụi làm việc, tay cầm nia, tay cầm mỏ hàn... như một xí nghiệp nhỏ - xí nghiệp gia đình mà ông bố là thợ cả, vừa sản xuất vừa trông coi, chỉ bảo cho con cháu làm, vừa làm việc giao nhận hàng (6).

Hiện nay, số lượng cửa hàng của người Châu Khê ở Hàng Bạc đã giảm đáng kể do những khó khăn chung từ nguyên liệu, thị trường. Đó là do trước kia, các cửa hàng ở phố Hàng Bạc thường là các cửa hàng kinh doanh hoặc kết hợp vừa kinh doanh vừa sản xuất nhưng có quy mô nhỏ do điều kiện diện tích không được lớn. Khoảng 15 năm trở lại đây, do kinh tế hội nhập, nền kinh tế phát triển, quy mô sản xuất lớn, cần mở rộng xưởng. Đa phần các cửa hàng kinh doanh, buôn bán các sản phẩm trang sức và các nguyên vật liệu, máy móc, phụ trợ phục vụ cung ứng cho chuỗi sản xuất trang sức ở Hàng Bạc có diện tích nhỏ, trong khi đó giá bất động sản lại tăng cao, nên hầu hết các xưởng ở phố Hàng Bạc đã được tách ra, chuyển về những nơi lân cận, gần Hàng Bạc. Đặc biệt 5 năm trở lại đây, một số công ty, xưởng sản xuất ở Hàng Bạc đã chuyển dịch cơ cấu sản xuất của mình về Châu Khê, Hải Dương (nay là Hải Phòng) và vùng ven ngoại thành Hà Nội (Phúc Tân, Huệ Lai - Hưng Yên). Hàng Bạc giờ đây chủ yếu chỉ là các cửa hàng buôn bán sản phẩm vàng bạc, trang sức hoặc nguyên vật liệu phụ trợ.

Về công nghệ và quy trình sản xuất hiện nay, tùy vào điều kiện thực tế mỗi xưởng, do các mặt hàng riêng của mỗi xưởng sản xuất sẽ cần những điều kiện sản xuất đáp ứng với nhu cầu thực tế của mình. Hàng Bạc không can thiệp vào chuỗi quy trình sản xuất sản phẩm hoặc cập nhật công nghệ nhưng lại tạo ra sức ép ngược lại cho Châu Khê về việc phải đổi mới các khâu của quy trình sản xuất, đảm bảo tiến độ và chất lượng, số lượng sản phẩm. Bởi lẽ Hàng Bạc chính là cầu nối của Châu Khê và thị trường. Họ chỉ đưa ra những yêu cầu về chất lượng sản phẩm, người

chủ xưởng sản xuất phải tự trang bị các phương tiện, công cụ, máy móc để đáp ứng được nhu cầu và chất lượng sản phẩm đặt ra.

Với những yêu cầu mà các đại lý phân phối sản phẩm tại Hàng Bạc đưa ra, người thợ sản xuất Châu Khê phải tìm tòi ứng dụng công nghệ mới vào nhằm giảm thời gian chế tác, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm cho một ngày sản xuất. Trước kia, một ngày chỉ sản xuất được 5-10 chiếc thì hiện nay, do kết hợp công nghệ, nên số lượng sản phẩm làm ra nhiều hơn. Từ những phản hồi của các chủ đại lý ở Hàng Bạc về nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, người chủ xưởng sản xuất Châu Khê sẽ xác định được mục tiêu và phương hướng đổi mới, cải tiến nâng cao quy trình công nghệ sản xuất của mình. Một số xưởng Châu Khê chủ động cập nhật công nghệ mới, đưa nhiều loại máy móc hiện đại vào sản xuất như máy đan dây chuyền, máy dập, máy đúc tự động, máy in 3D... Đây là những công nghệ tiên tiến bắt kịp với chuỗi sản xuất của khu vực và thế giới nhằm giảm nhân công lao động, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm.

Theo chiều dài lịch sử hơn 500 năm, phố Hàng Bạc luôn là trung tâm buôn bán sản phẩm trang sức của 3 làng nghề Châu Khê, Định Công, Đồng Xâm. Trong đó, người Châu Khê chiếm số lượng lớn. Châu Khê ban đầu không có nghề kim hoàn và chỉ khi người Châu Khê được Thượng thư Lưu Xuân Tín đưa lên kinh thành Thăng Long lập xưởng đúc bạc thì lúc đó, họ mới được tiếp cận và học nghề kim hoàn; sau đó lại mang nghề kim hoàn từ kinh thành Thăng Long (phố Hàng Bạc) về quê hương Châu Khê tại Hải Dương (nay là Hải Phòng). Xét về phương diện quảng bá và phân phối sản phẩm, Hàng Bạc luôn có vai trò và vị trí rất to lớn. Từ xưa đến nay, tất cả các sản phẩm của người Châu Khê đa phần đều chuyển lên phố Hàng Bạc quảng bá tiêu thụ, buôn bán. Châu Khê hầu như chỉ đóng vai trò là sản xuất. Châu Khê luôn gắn liền với phố Hàng Bạc, phố Hàng Bạc là nơi bao tiêu và cung cấp nguyên vật liệu cho chuỗi sản xuất của Châu Khê.

Hàng Bạc hiện nay là trung tâm kinh tế kinh doanh, quảng bá các mặt hàng trang sức và các nguyên vật liệu, máy móc, công nghiệp phụ trợ cho chuỗi sản xuất của người Châu Khê và cả cư dân khác của làng Đồng Xâm, Định Công và một số tỉnh khác quy tụ về làm xưởng sản xuất trang sức, chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và miền Trung. Tại con phố

này hiện có 103 cửa hàng vàng bạc, trong đó có 15 cửa hàng là người gốc Châu Khê. Đa số các chủ cửa hàng kinh doanh vàng bạc đều cho biết việc quảng bá sản phẩm không diễn ra rầm rộ do uy tín của từng cửa hàng, từng xưởng đã được thời gian kiểm chứng, ăn vào tiềm thức của từng bên.

Năm năm trở lại đây, một số người Châu Khê bắt đầu học cách mở rộng thị trường bằng cách tự đưa sản phẩm tới các đại lý ở các tỉnh lân cận chứ không chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào đại lý ở Hàng Bạc như trước. Để phát triển thị trường, họ vừa tự sản xuất, vừa lấy lại hàng của các chủ xưởng khác để cho mặt hàng phân phối của mình phong phú, đa dạng hơn. Bên cạnh đó, họ cũng kết hợp bán trực tiếp và phân phối sản phẩm trên mạng xã hội và các nền tảng thương mại điện tử như Facebook, Shopee, TikTok... Mặc dù vậy, các mặt hàng bán online cũng chủ yếu là chất liệu bạc hoặc mặt hàng có giá trị kinh tế không cao. Với các mặt hàng có giá trị kinh tế cao như vàng, khách hàng sẽ tìm đến mua trực tiếp tại cửa hàng. Cho nên việc quảng bá và phân phối sản phẩm ở một con phố có lịch sử và uy tín qua nhiều thế hệ, không nơi đâu có thể thay thế được phố Hàng Bạc. Nhiều gia đình Châu Khê và Hàng Bạc đã duy trì mối quan hệ làm ăn từ đời ông nội đến đời bố, giờ đến con. Mối quan hệ giữa Châu Khê và Hàng Bạc dù nhiều lúc thăng trầm, tuy nhiên luôn liền mạch, không tạo ra sự đứt gãy.

Như vậy, có thể thấy Châu Khê và Hàng Bạc là một thể thống nhất, có sự đồng bộ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng bạc. Về chu trình sản xuất, mối quan hệ giữa làng Châu Khê với phố Hàng Bạc trong lịch sử cũng như hiện nay luôn diễn ra sự tác động hai chiều. Giữa 2 nhóm người Hàng Bạc và Châu Khê luôn có những trao đổi thông tin qua lại để kết hợp nhập nguyên liệu, tạo ra chuỗi sản xuất và cung ứng đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Mối quan hệ về phương diện văn hóa, xã hội

Theo kết quả điền dã và phỏng vấn, chúng tôi thấy những người Châu Khê hiện sinh sống tại Hàng Bạc hiện vẫn giữ mối liên hệ mật thiết với những người ở quê hương. Họ không những coi mình luôn là một phần của quê hương Châu Khê, không những có mặt trong mọi kỳ lễ hội hằng năm, mà còn luôn nhiệt tình tham gia vào các sinh hoạt văn hóa khác của gia đình, dòng họ.

Đối với việc cưới hỏi, người Châu Khê và Hàng Bạc luôn duy trì tục lệ mời người cả ở quê và ở phố.

Mặc dù đám cưới sẽ được tổ chức ở Hàng Bạc, nhưng họ vẫn phải về Châu Khê mời đích danh từng người chứ không gọi điện. Đối với việc ma chay, những người Châu Khê ở Hàng Bạc cho biết, họ đều về quê thăm viếng; nếu người mất là người trong dòng họ thì ở lại để lo toan cùng cho đến khi việc đưa tiễn hoàn tất. Những mối quan hệ ở Châu Khê và Hàng Bạc vừa là mối quan hệ bạn hàng, anh em, làng xóm, đan cài, chồng lấn lên nhau, khó tách rời. Bản thân những người Châu Khê hiện sống ở Hàng Bạc cũng luôn duy trì mối quan hệ họ hàng hoặc người làng với nhau.

Những lễ nghi khác của các cá nhân, dòng họ cũng được người Châu Khê cả ở phố và làng coi trọng. Chẳng hạn, những cụ già người gốc Châu Khê sống ở Hàng Bạc hay các nơi khác vẫn được tổ chức chúc thọ ở quê nhà. Khi mất, họ vẫn được đưa về an táng ở nghĩa trang Châu Khê, kể cả những nhà đã đi lên Hàng Bạc từ mấy đời trước, không còn nhà ở Châu Khê nữa.

Trong những phong tục, sinh hoạt văn hóa ở Châu Khê, lễ giỗ tổ nghề có thể coi là sự kiện được người dân tham gia đông đảo nhất. Lễ hội được tổ chức vào ngày 19 tháng Giêng, không chỉ thu hút người Châu Khê làm ăn sinh sống ở các nơi trở về quê hương mà còn thu hút khách thập phương từ những người thợ kim hoàn tới buôn bán đồ trang sức bằng vàng bạc và cả những người muốn tìm hiểu, nghiên cứu về nghề kim hoàn cổ truyền. Lễ hội là dịp toàn thể dân làng, kể cả những người đi làm ăn xa đều về tự nguyện gặp ban tổ chức nhận việc hội và coi đây như bổn phận, trách nhiệm của mình. Điều này cho thấy sự kết nối mạnh mẽ, liên tục của người Châu Khê ở quê và ở phố Hàng Bạc. Thành phần ban tổ chức có những người hiện sống ở Châu Khê và cả những người đang làm ăn tại phố Hàng Bạc. Lễ hội trở thành sợi dây củng cố mối quan hệ bền chặt giữa các cá nhân, gia đình trong các dòng họ của làng.

Còn ở Hàng Bạc, lễ giỗ tổ nghề được tổ chức vào ngày 22-4 hằng năm. Nhưng có điều đặc biệt là ở Hàng Bạc không thờ tổ nghề Lưu Xuân Tín mà thờ ông tổ thủ công bách nghệ là ông Hiên Viên, do Hàng Bạc không chỉ là nơi tập trung sinh sống của người Châu Khê mà cả người tứ xứ, trong đó có người các làng nghề Định Công, Đồng Xâm, đúc đồng Đại Bái, quỳ vàng Kiều Ky... Người ở Châu Khê hằng năm vẫn lên Hàng Bạc để tham gia tích cực vào lễ hội.

Quan sát lễ hội đình Kim Ngân năm 2023, chúng tôi nhận thấy có một đoàn hành lễ tầm 40-50 người cầm biển Đại biểu làng nghề Châu Khê cũng tham gia rước kiệu, tham góp vào sự rộn ràng của lễ hội ở Hàng Bạc. Đoàn của Châu Khê đa phần là trung niên, thanh niên đi phía sau; các cụ bô lão đi phía trước; phụ nữ trẻ mặc áo dài cầm cờ đi theo đoàn. Sau khi nhận được thư mời từ phía Hàng Bạc, phía Châu Khê cử người lập thành đoàn đại diện cho làng nghề lên tham dự với tinh thần “tại hương - tại phố” từ bao lâu nay. Để chuẩn bị cho sự tham gia vào lễ hội được chín chu, đoàn của Châu Khê đã phải lên Hàng Bạc từ nhiều ngày trước đó để tập dượt các chương trình, tiết mục đã được thông qua bởi ban tổ chức. Trong chương trình lễ hội đình Kim Ngân năm 2023, tiết mục trình diễn quy trình làm nghề đúc tiền ngày xưa, đúc ra một thỏi bạc nén cũng do người Châu Khê phụ trách.

Mối quan hệ giữa Châu Khê và Hàng Bạc còn thể hiện ở chỗ, qua những thăng trầm phát triển nghề, phố Hàng Bạc hiện nay vẫn mang dấu ấn đậm nét của quê hương bản quán, cội nguồn tổ nghề của mình. Điều này thể hiện qua đình tổ nghề, đền, miếu... thờ vọng về làng cũ Châu Khê. Cũng giống như các phố nghề khác, với các lớp dân ở nhiều nơi khác đổ về, xuất hiện một hệ thống di tích đình tổ nghề, đền của các làng quê được mang ra Thăng Long thờ vọng. Ở đây có sự đan xen, hòa nhập giữa văn hóa làng xã cổ truyền và văn hóa thành thị. Nếp sống thành thị xen lẫn cả thói quen của nông thôn, tạo nên sự hòa nhập nông thôn - thành thị ngay tại trung tâm của thành thị. Chúng ta vẫn dễ dàng nhận ra bộ mặt nông thôn điển hình của toàn bộ xã hội Việt Nam tại nơi dân cư buôn bán sầm uất nhất. Những người Châu Khê làm ăn sinh sống ở Hàng Bạc vẫn rất gắn bó, hỗ trợ nhau trong các hoạt động làm nghề, buôn bán, đến sinh hoạt, văn hóa, tín ngưỡng. Nguồn gốc nông thôn lâu bền ấy làm bộ mặt của phố vẫn ít nhiều giống như tổ chức của làng. Khác với thành thị Tây Âu trung đại (khi mà bộ phận thị dân ở Tây Âu, tuy cũng xuất phát từ nông thôn nhưng gần như cắt đứt mối dây liên lạc với nơi ở cũ) (7), người Châu Khê ở quê cũng như ở Hàng Bạc vẫn luôn có sự gắn kết chặt chẽ, liên tục hơn 560 năm nay.

4. Kết luận

Có thể nói, trải qua quá trình lịch sử, mối quan hệ giữa làng nghề Châu Khê với phố nghề Hàng Bạc

luôn được duy trì, phát triển. Mối quan hệ này phản ánh phần nào mối quan hệ giữa Thăng Long - Hà Nội với các làng nghề thủ công của cả nước từ trong quá khứ đến nay. Thăng Long - Hà Nội đã hơn 1.000 năm tuổi, ghi dấu ấn thời gian của làng nghề, phố nghề, thế hệ những người thợ thủ công, được xem là những chủ thể sáng tạo ra chúng. Điều đó không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, xã hội mà còn mang ý nghĩa văn hóa. Mặc dù mối quan hệ trên phương diện nghề nghiệp được hình thành trước và có tính chi phối, tuy nhiên, do quá trình tương tác lâu dài, mối quan hệ giữa Châu Khê và Hàng Bạc trên phương diện văn hóa, lối sống cũng được phản ánh khá rõ từ trong nếp nghĩ, nếp sống và những ứng xử văn hóa của người dân ở cả Châu Khê và Hàng Bạc. “Châu Khê - Hàng Bạc một quê”, tính chất “tại hương, tại phố” từ lâu đã in đậm trong tâm thức, thói quen của con người Châu Khê và Hàng Bạc. Mối quan hệ giữa làng nghề Châu Khê và phố Hàng Bạc từ chu trình sản xuất sản phẩm kim hoàn đến các chiều kích văn hóa, xã hội như trên đã cho thấy sự đa chiều, phức tạp và thú vị trong sự kết nối giữa làng nghề và phố nghề. Đó là sự kết nối giữa người với người, giữa người với nghề, giữa con người với các giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh của cả ở Châu Khê và Hàng Bạc. Việc duy trì mối quan hệ này có thể xem như là một biểu hiện của những nỗ lực bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của cả làng nghề và phố nghề từ quá khứ đến hiện nay ■

Đ.Đ.H

1, 6. Phạm Minh Tiến, Lê Xuân Dương, *Làng nghề và nghề truyền thống Châu Khê*, Nxb Hải Phòng, 2016, tr.13, 81.

2. Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hào, *Làng nghề phố nghề Thăng Long - Hà Nội*, Trung tâm Triển lãm Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội, 2000, tr. 83- 84.

3, 5, 7. Nguyễn Nhiên Hương, *Mối quan hệ làng nghề - phố nghề ở vùng phụ cận Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, tr.3, 91, 96.

4. Nguyễn Đức Kiên, *Làng nghề chạm bạc Châu Khê trong tương quan với phố Hàng Bạc*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 385, 7-2016.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-5-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 16-6-2025; Ngày duyệt đăng: 30-6-2025.